

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101 /2018/ HNGĐ-ST

Ngày 15/10/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen
2. Ông Lê Việt Hùng

***-Thư ký phiên tòa:*** bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:***  
không tham gia.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 327/2018/ TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/9/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** chị **Lê Thị My N**, sinh năm 1987 ( có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: hẻm 94/26, đường Phù Đ, tổ 16, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia L.

***Bị đơn:*** Anh **Phan Thanh H**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Mỹ, xã Đồng P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị My N trình bày:*

Chị và anh Phan Thanh H quen biết nhau thời gian khoảng hai năm và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 20/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Hội Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh H tại ấp Phú Mỹ, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sống hạnh phúc được khoảng một năm, đến năm 2009 thì anh H không chịu làm ăn lo cho gia đình mà phát sinh nhiều tật xấu như thường xuyên đi chơi, uống rượu, đánh bài, đá gà, trai gái bên ng, chị đã bắt gặp nhiều lần và anh H hứa sẽ thay đổi. Nhưng đến năm 2010 khi chị sinh con thì anh H vẫn chứng nào tật đó không từ bỏ những thói hư tật xấu. Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2015 vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, xô xát, anh H đánh đuổi chị nhiều lần làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cha mẹ hai bên có khuyên ngăn hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Sống với anh H không có hạnh phúc, đến tháng 5/2015 chị đem con về nhà cha mẹ ruột ở hẻm 94/26, tổ 16, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai sinh sống ly thân anh H cho đến nay. Chị và anh H không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ, anh H cũng không đến thăm con, không phụ tiền nuôi con. Nay chị nhận thấy thời gian ly thân quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Con chung có một người tên Phan Thanh H ( nữ) sinh ngày 07/5/2010 chị đang nuôi dưỡng và có hộ khẩu chung với chị ở hẻm 94/26, tổ 16, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Qua hai lần hòa giải bị đơn anh Phan Thanh H vắng mặt.

***Tại phiên tòa:***

Chị Lê Thị My N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn chị N trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung ý kiến.

Anh Phan Thanh H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về tố tụng:*

[1] Chị Lê Thị My N khởi kiện xin ly hôn anh Phan Thanh H, địa chỉ cư trú ấp Phú Mỹ, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Chị Lê Thị My N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*Về nội dung:*

[1] Chị N và anh H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Hội Phú, Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2008. Hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Na đem con về nhà cha mẹ ruột ở thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai sinh sống từ tháng 5/2015 cho đến nay.

[2]Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng: Sau khi kết hôn chị N về làm dâu sống chung với gia đình anh H, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh H không lo làm ăn, mà thường xuyên đi chơi, khi chị N khuyên ngăn thì dẫn đến vợ chồng cự cãi, xô xát nhau nhiều lần. Chung sống với anh H không có hạnh phúc nên chị N đã đem con về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân anh H từ khoảng tháng 5/2015 đến nay. Sau khi chị N ra đi anh H cũng không gặp chị N bàn bạc để đoàn tụ mà dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị N cho rằng thời gian ly thân quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị N và anh H không đạt được, chị Na làm đơn ly hôn là có căn cứ. Chấp nhận cho chị N được ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về nuôi con chung: có một người con tên Phan Thanh H (nữ), sinh ngày 07/5/2010 chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu H sống với mẹ, chị N cũng yêu cầu được nuôi con. Vì vậy giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tài sản chung và nợ chung: chị N khai trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung, không thiếu nợ, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị My N được ly hôn anh Phan Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Thanh H, sinh ngày 07/5/2010 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: chị N khai trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung và không thiếu nợ, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: buộc chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001707, ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Chị N đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ánh Bình**